

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-PT

Ngày: 25-01-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bảo lãnh vay Ngân hàng, mua bảo hiểm xe, dịch vụ (đóng thùng xe, sửa xe)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18, 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLPT-KDTM, ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bảo lãnh vay Ngân hàng, mua bảo hiểm xe, dịch vụ (đóng thùng xe, sửa xe)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 385/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 30, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1966 – Chức vụ: Giám đốc (đại diện theo pháp luật).

Địa chỉ: Đường T, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hồng T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Đường số 51, KP 8, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 18-01-2018)

Cư trú: Đường 17, khu dân cư S, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV T1

Địa chỉ trụ sở: Lô III-4A, Khu A1 Khu công nghiệp S, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Hồ Thị Thúy V, sinh năm 1981 – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc (đại diện theo pháp luật).

Địa chỉ: Đường T, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Thúy V, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Đường T, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Dũng A, sinh năm 1954 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11-7-2017)

Địa chỉ: Đường V, Khóm 4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Luật sư Nguyễn Hoàng G - Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Đường N, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH T, là nguyên đơn trong vụ án.

(Ông Trương Hồng T, ông Hồ Dũng A và Luật sư Nguyễn Hoàng G có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Năm 2008, Công ty trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt là Công ty T) có hợp đồng mua bán xe ô tô với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (gọi tắt là Công ty T1), Công ty T cho rằng: Công ty T1 và bà Hồ Thị Thúy V chưa thanh toán hợp đồng mua bán xe, hợp đồng tín dụng, tiền mua bảo hiểm xe ô tô, tiền sửa xe cụ thể như sau:

1. Về tiền mua bán xe:

Vào ngày 26-3-2008, Công ty T1 do bà Hồ Thị Thúy V là đại diện theo pháp luật có mua 02 xe ô tô tải của Công ty T, cụ thể theo 02 hợp đồng như sau:

- Hợp đồng mua bán số 236/HĐMB ngày 26-3-2008, Công ty T bán cho Công ty T1 01 xe ô tô nhãn hiệu JAC, số khung RRGTT32D48B000007, số máy CY4100Q* 07239418, màu sơn xanh, trọng tải 2.250kg, xe mới 100% giá tiền là 234.000.000 đồng. Đến ngày 05-5-2008, Công ty TNHH MTV T1 được cấp giấy đăng ký xe biển số 66S-5579.

Về phương thức thanh toán, theo hợp đồng hai bên ký kết thì: lần thứ nhất Công ty T1 trả cho Công ty T số tiền 30.000.000 đồng (tiền cọc), số tiền còn lại 204.000.000 đồng thì Công ty T bảo lãnh cho Công ty T1 vay tiền ở Ngân hàng TMCP xăng dầu P 105.000.000 đồng để trả cho Công ty T, còn 99.000.000 đồng Công ty T1 sẽ trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả 2.750.000đ tiền gốc và lãi suất tính theo từng thời điểm do Ngân hàng quy định.

Công ty T1 đã thực hiện việc thanh toán cho Công ty T như thỏa thuận: lần 1 vào ngày ký hợp đồng 26-3-2008 số tiền 30.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 09-5-2008 số tiền 105.000.000 đồng. Sau đó, Công ty T1 không tiếp tục trả số tiền còn lại cho Công ty T.

Đến ngày 21-12-2009, Công ty T1 thỏa thuận bán lại xe 66S-5579 cho Công ty T với giá 40.000.000 đồng (có làm giấy bán, cho, tặng xe nhưng không ghi số tiền), số tiền còn lại Công ty T1 chưa thanh toán. Nên Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả cho Công ty T tiền xe còn thiếu đối với Hợp đồng mua bán 236 như sau:

+ Tiền lãi của tiền vốn 99.000.000 đồng: Tính từ ngày ký hợp đồng 26-3-2008 đến 26-3-2011 là 45 tháng: $99.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 45 \text{ tháng} = 50.118.756 \text{ đồng}$

+ Ngày 21-12-2009, Công ty T1 bán lại xe cho Công ty T giá 40.000.000 đồng, tiền vốn còn lại 59.000.000 đồng

+ Tiền lãi của số tiền 59.000.000 đồng tính lãi từ ngày 21-12-2009 đến 21-6-2017 là 96 tháng: $59.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 96 \text{ tháng} = 47.181.120 \text{ đồng}$.

Tổng là 156.299.876 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Hợp đồng mua bán số 237/HĐMB ngày 26-3-2008 Công ty T bán cho Công ty T1 01 xe ô tô nhãn hiệu JAC, số khung LJ11KDBC281200649, số máy YZ4108Q* B7142748, màu sơn xanh, trọng tải 4,1 tấn, xe mới 100%, giá tiền là 286.000.000 đồng. Đến ngày 09-5-2008, Công ty TNHH MTV T1 được cấp giấy đăng ký xe biển số 66S-5589.

Về phương thức thanh toán, theo hợp đồng hai bên ký kết thì: lần thứ nhất Công ty T1 trả cho Công ty T số tiền 40.000.000 đồng (tiền cọc), số tiền còn lại 246.000.000 đồng thì Công ty T bảo lãnh cho Công ty T1 vay tiền ở Ngân hàng TMCP xăng dầu P 124.000.000 đồng để trả cho Công ty T, còn 122.000.000 đồng, Công ty T1 sẽ trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả 3.400.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính theo từng thời điểm do Ngân hàng quy định.

Công ty T1 đã thực hiện việc thanh toán cho Công ty T như thỏa thuận: lần 1 vào ngày ký hợp đồng 26-3-2008 số tiền 40.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 09-5-2008 số tiền 124.000.000 đồng. Sau đó, Công ty T1 không tiếp tục trả số tiền còn lại cho Công ty T.

Đến ngày 14-6-2010, Công ty T1 thỏa thuận bán lại xe 66S-5589 cho Công ty T với giá 120.000.000 đồng. Nên Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả tiền xe còn thiếu đối với Hợp đồng mua bán 237 như sau:

+ Tiền lãi của số tiền vốn 122.000.000 đồng: Tính từ ngày ký hợp đồng 26-3-2008 đến 26-3-2011 là 45 tháng: $122.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 45 \text{ tháng} = 61.765.500 \text{ đồng}$

+ Ngày 14-10-2010, Công ty T1 bán lại xe cho Công ty T giá 120.000.000 đồng, tiền vốn còn lại 2.000.000 đồng

+ Số tiền 2.000.000 đồng tính lãi từ ngày 14-10-2010 đến 14-6-2017 là 84 tháng: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 84 \text{ tháng} = 1.399.440 \text{ đồng}$.

Tổng là 65.164.940 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

2. Về tiền vay Ngân hàng: Công ty T có bảo lãnh cho Công ty T1 vay tiền Ngân hàng như sau:

- Ngày 07-5-2008, Công ty T1 có ký Hợp đồng tín dụng số 106-08/0105-DN/HĐTD vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu P (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 105.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất ban đầu là 1,75%/tháng, lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty T1 có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 106-08/HĐTC ngày 07-5-2008 với Ngân hàng, thế chấp xe ô tô tải biển số 66S-5579 cho Ngân hàng. Theo khế ước nhận nợ số 106-08/0105-DN/PG-GNN ngày 09-5-2008 của Công ty T1, thì số tiền 105.000.000 đồng, Ngân hàng chuyển khoản 100% cho người thụ hưởng là Công ty T, qua tài khoản của Công ty T mở tại Ngân hàng (theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mua bán).

Ngoài ra, ngày 01-12-2008, hai bên còn ký Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng mua bán số 236 thỏa thuận và thống nhất trường hợp Công ty T1 không có khả năng trả góp tiền gốc và lãi cho Ngân hàng và Công ty T thì Công ty T có trách nhiệm cùng Ngân hàng thu hồi lại tài sản thế chấp. Sau khi thu hồi tài sản thế chấp thì giao cho Công ty T thanh lý tài sản thế chấp để trả hết số nợ gốc và lãi mà Công ty T1 còn thiếu Ngân hàng; nếu sau 30 ngày mà chưa thanh lý được thì Công ty T đồng ý nhận lại chính tài sản thế chấp và trả hết nợ (gốc và lãi) mà chị V còn thiếu Ngân hàng nhưng Công ty T1 không thanh toán tiền vay cho Ngân hàng nên Công ty T đã thanh toán vốn, lãi cho Ngân hàng xong. Nay Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả lại số tiền theo hợp đồng tín dụng 106 như sau:

+ Tiền vốn 134.054.800 đồng;

+ Tiền lãi tính từ 18-01-2010 đến 18-06-2017 là 89 tháng: $134.054.800 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 89 \text{ tháng} = 73.680.468 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: 207.735.268 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Ngày 09-5-2008, Công ty T1 có ký Hợp đồng tín dụng số 111-08/0105-DN/HĐTD vay của Ngân hàng số tiền 124.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất ban đầu là 1,75%/tháng, lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty T1 có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 111-08/HĐTC ngày 09-5-2008 với Ngân hàng, thế chấp xe ô tô tải biển số 66S-5589 cho Ngân hàng. Theo khế ước nhận nợ số 111-08/0105-DN/PG-GNN ngày 09-5-2008 của Công ty T1, thì số tiền 124.000.000 đồng, Ngân hàng chuyển khoản 100% cho người thụ hưởng là Công ty T, qua tài khoản của Công ty T mở tại Ngân hàng (theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mua bán) nhưng Công ty T1 không thanh toán tiền vay cho Ngân hàng nên Công ty T đã thanh toán vốn, lãi cho Ngân hàng xong. Nay Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả lại số tiền theo hợp đồng tín dụng 111 như sau:

+ Tiền vốn 165.066.900 đồng;

+ Tiền lãi tính từ 18-01-2010 đến 18-06-2017 là 89 tháng: $165.066.900 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 89 \text{ tháng} = 90.725.629 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: 236.704.635 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

3. Về tiền mua bảo hiểm xe:

Ngày 09-5-2008, Công ty T có mua bảo hiểm xe cơ giới cho 02 xe ô tô tải 66S-5579 và 66S-5589 thay cho Công ty T1 với số tiền 6.500.000 đồng, vì nếu không mua bảo hiểm thì Ngân hàng không nhận thế chấp và không cho vay tiền. Từ đó đến nay Công ty T1 chưa thanh toán cho Công ty T khoản tiền này nên Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả lại tiền mua bảo hiểm xe như sau:

+ Vốn 6.500.000 đồng;

+ Lãi tính từ ngày 09-5-2008 đến 09-6-2017 là 111 tháng: $6.500.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 111 \text{ tháng} = 6.010.095 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền mua bảo hiểm: 12.510.095 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

4. Về tiền đóng thùng xe:

Khi Công ty T bán 02 xe ô tô như trên cho Công ty T1 đã có kèo phi 21 phủ bạt (thùng phủ bạt), nhưng lúc đó Công ty T1 có yêu cầu Công ty T nâng cấp vách thùng phủ bạt thành vách inox phi 21 nâng cấp thêm phi 27 và sắt hộp 40 vuông. Thỏa thuận này không lập thành văn bản. Công ty T đã nâng cấp vách thùng xe ô tô biển số 66S-5579 giá là 30.000.000 đồng, xe ô tô biển số 66S-5589 giá là 40.000.000 đồng và đã giao cho Công ty T1 xong vào ngày 26-3-2008. Đến nay, Công ty T1 chưa thanh toán khoản tiền này nên Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả tiền đóng thùng xe như sau:

+ Vốn: 70.000.000 đồng;

+ Tiền lãi tính từ ngày 26-3-2008 đến 26-6-2017 là 111 tháng:
 $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 111 \text{ tháng} = 64.724.100 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền đóng thùng xe: 134.724.100 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

5. Tiền sửa xe:

Trong quá trình Công ty T1 sử dụng xe 66S-5589 hoạt động tại huyện B, tỉnh Long An thì ngày 05-01-2009 bị người khác chiếm đoạt xe. Ngày 07-5-2009 Công ty T được Công ty T1 ủy quyền đến Công an huyện B nhận lại xe. Ngày 15-6-2010, Công ty T có bảng báo giá sửa xe cho Công an huyện B số tiền 83.655.000 đồng. Sau đó, chị V đã nhận số tiền bồi thường sửa xe nhưng không trả lại cho Công ty T nên Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả lại tiền sửa xe như sau:

+ Tiền gốc 83.000.000 đồng;

+ Tiền lãi tính từ tháng 5-2010 đến tháng 6-2017 là 83 tháng:
 $83.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 83 \text{ tháng} = 57.385.370 \text{ đồng}.$

Tổng tiền sửa xe: 140.385.370 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Tổng số tiền Công ty T yêu cầu Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V thanh toán là 1.030.387.604 đồng.

Công ty T không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty T1, không đồng ý trả tiền bán xe cho Công ty T1 là 220.000.000 đồng vì Công ty T không có nhận bán xe dùm cho Công ty T1, mà Công ty T1 bán xe cho Công ty T để trừ nợ.

Công ty T1 và chị Hồ Thị Thúy V (ủy quyền cho ông Hồ Dũng A) thống nhất với lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn có ký hợp đồng mua bán xe, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. Không thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về tiền mua bảo hiểm xe, đóng thùng xe và sửa xe cụ thể như sau:

- Đối với tiền mua bán xe theo 02 hợp đồng mua bán 236 và 237 thì hàng tháng Công ty T1 có gửi tiền mặt trả cho Công ty T và trả dứt điểm vào tháng 10-2008. Việc giao nhận tiền giữa hai bên không làm giấy tờ do tin tưởng lẫn nhau. Công ty T1 không còn thiếu tiền mua xe nên không đồng ý trả khoản tiền này.

- Đối với tiền vay Ngân hàng theo 02 hợp đồng tín dụng 106 và 111, Công ty T1 vay và thế chấp tài sản là 02 xe ô tô tải 66S-5579 và 66S-5589, Công ty T không có bảo lãnh cho Công ty T1 vay tiền. Hàng tháng, Công ty T1 có gửi tiền mặt, nhờ Công ty T chuyển vào tài khoản của Công ty T1 để trả cho Ngân hàng và đã trả dứt điểm vào ngày 01-5-2011. Việc giao nhận tiền giữa hai bên không làm giấy tờ. Không có việc Công ty T trả tiền Ngân hàng thay cho Công ty T1 nên Công ty T1 không đồng ý trả khoản tiền này.

- Đối với tiền mua bảo hiểm xe cơ giới của 02 xe ô tô tải 66S-5579 và 66S-5589: Công ty T1 không có nhờ Công ty T mua bảo hiểm xe mà Công ty T tự mua nên Công ty T1 không đồng ý trả khoản tiền này.

- Đối với tiền đóng thùng xe: Công ty T1 không có yêu cầu Công ty T đóng thùng xe mà do Công ty T1 tự thuê người khác đóng thùng xe nên Công ty T1 không đồng ý thanh toán khoản tiền này.

- Đối với tiền sửa xe: Công ty T1 không yêu cầu Công ty T sửa xe nên Công ty T1 và chị V không đồng ý trả.

Các giao dịch trên diễn ra giữa Công ty T1 và Công ty T, không liên quan đến cá nhân chị Hồ Thị Thúy V. Do đó, chị V không đồng ý liên đới trả nợ cho Công ty T.

Ngoài ra, Công ty T1 có yêu cầu phản tố như sau: Công ty T1 có nhờ Công ty T bán dùm 02 xe ô tô tải 66S-5579 và 66S-5589 với giá là 450.000.000 đồng nhưng Công ty T bán xe mà chưa trả số tiền trên. Do đó, Công ty T1 yêu cầu Công ty T trả lại số tiền trên. Ngày 30-6-2017, Công ty T1 rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu Công ty T trả tiền bán 02 xe theo hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể xe 66S-5579 số tiền 100.000.000 đồng, xe 66S-5589 số tiền 120.000.000 đồng, tổng cộng 220.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 14-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã tuyên xử:

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả các khoản tiền: mua bán xe, tiền Ngân hàng, tiền mua bảo hiểm xe, đóng thùng xe và tiền sửa xe tổng cộng là 1.030.387.604 đồng.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 về việc yêu cầu nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả tiền bán xe là 220.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 27-9-2017, nguyên đơn là Công ty TNHH T đã kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 14-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, trả lại cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của Công ty T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại số 05/2017/KDTM-ST ngày 14-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc với lý do: Căn cứ vào khoản 2.2 Điều 2 và

khoản 6.3 Điều 6 của các Hợp đồng mua bán số 236/HĐMB và 237/HĐMB cùng ngày 26-3-2008 không có quy định ngày hết hiệu lực, không ghi thời hạn thực hiện hợp đồng thì hợp đồng được hiểu là chấm dứt khi bên bán và bên mua thực hiện xong nghĩa vụ trong hợp đồng. Công ty T1 chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nên hai hợp đồng trên vẫn còn hiệu lực, đồng thời các chi phí mua bảo hiểm xe, đóng thùng xe, sửa chữa xe mà Công ty T1 nợ vẫn còn hiệu lực. Đối với Hợp đồng tín dụng số 106-08/0105-DN/HĐTD ngày 07-5-2008 và Hợp đồng tín dụng số 111-08/0105-DN/HĐTD ngày 09-5-2008 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu P cho Công ty T1 vay để trả tiền mua xe của Công ty T nhưng Công ty T1 không trả nợ Ngân hàng, do Công ty T là người bảo lãnh phải trả nợ thay cho nên Công ty T yêu cầu Công ty T1 trả lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH MTV T1 là tranh chấp về Hợp đồng kinh doanh thương mại, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp này chịu sự điều chỉnh của Luật Thương mại năm 2005 là có căn cứ.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 26-3-2008, thông qua Hợp đồng mua bán số 236/HĐMB, Công ty T bán cho Công ty T1 01 xe ô tô nhãn hiệu JAC, số khung RRGTT32D48B000007, số máy CY4100Q* 07239418, màu sơn xanh, trọng tải 2.250kg, xe mới 100%, giá tiền là 234.000.000 đồng, được cấp biển số 66S-5579. Hợp đồng quy định phương thức thanh toán là lần thứ nhất Công ty T1 trả cho Công ty T số tiền 30.000.000 đồng (tiền cọc), số tiền còn lại 204.000.000 đồng thì Công ty T bảo lãnh cho Công ty T1 vay tiền ở Ngân hàng TMCP xăng dầu P 105.000.000 đồng để trả cho Công ty T vào ngày 09-5-2008, còn 99.000.000 đồng, Công ty T1 sẽ trả cho Công ty T trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả 2.750.000đ tiền gốc và lãi suất tính theo từng thời điểm do Ngân hàng quy định. Đến ngày 21-12-2009, Công ty T1 bán lại xe cho Công ty T giá 40.000.000 đồng để trừ nợ, còn lại số tiền 59.000.000 đồng.

Cùng ngày trên, hai bên tiếp tục lập Hợp đồng mua bán số 237/HĐMB Công ty T bán cho Công ty T1 01 xe ô tô nhãn hiệu JAC, số khung LJ11KDBC281200649, số máy YZ4108Q* B7142748, màu sơn xanh, trọng tải 4,1 tấn, xe mới 100%, giá tiền là 286.000.000 đồng, được cấp biển số 66S-

5589. Hợp đồng quy định phương thức thanh toán là lần thứ nhất Công ty T1 trả cho Công ty T số tiền 40.000.000 đồng (tiền cọc), số tiền còn lại 246.000.000 đồng thì Công ty T bảo lãnh cho Công ty T1 vay tiền ở Ngân hàng TMCP xăng dầu P 124.000.000 đồng để trả cho Công ty T vào ngày 09-5-2008, còn 122.000.000 đồng, Công ty T1 sẽ trả cho Công ty T trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả 3.400.000đ tiền gốc và lãi suất tính theo từng thời điểm do Ngân hàng quy định. Đến ngày 14-10-2010, Công ty T1 bán lại xe cho Công ty T giá 120.000.000 đồng để trừ nợ, còn lại 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 01-12-2008, hai bên còn ký kết Phụ lục hợp đồng cho Hợp đồng mua bán số 236.

Như vậy, căn cứ vào hai hợp đồng trên thì Công ty T1 đã thanh toán tiền mua xe ô tô bằng các khoản tiền cọc và tiền vay Ngân hàng, số tiền còn lại chia ra trả hàng tháng và thời hạn thanh toán là trong vòng 36 tháng, tức là tính đến ngày 26-3-2011 phải trả dứt điểm nhưng cho đến ngày 21-12-2009 và ngày 14-10-2010, Công ty T1 lại bán hai xe ô tô trên Công ty T để trừ nợ là đã chấm dứt hợp đồng mua bán giữa các bên, tài sản mua bán đã được thỏa thuận bằng hợp đồng khác. Đại diện theo ủy quyền của Công ty T cho là Công ty T1 chưa thanh toán đủ tiền mua bán xe, các hợp đồng trên không quy định thời gian hết hiệu lực, không ghi thời hạn thực hiện hợp đồng nên vẫn còn thời hiệu, tuy nhiên các hợp đồng ghi rõ “*Bên B sẽ thanh toán dứt điểm cho bên A số tiền...trong vòng 36 tháng*” nghĩa là kết thúc thời hạn 36 tháng ghi trong hợp đồng (được tính từ ngày 26-3-2011) là thời hạn trả nợ cuối cùng, cho đến ngày 06-8-2015 Công ty T mới nộp đơn khởi kiện ra Tòa án là quá thời hạn hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 cho là hết thời hiệu khởi kiện và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ.

[3.2] Đối với các khoản tiền mua bảo hiểm xe, tiền đóng thùng xe và tiền sửa xe là những khoản tiền xuất phát từ các hợp đồng mua bán xe, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm cũng nhận định hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[3.3] Ngoài ra Công ty T còn bảo lãnh cho Công ty T1 vay ở Ngân hàng TMCP Xăng dầu P thông qua Hợp đồng tín dụng số 106-08/0105-DN/HĐTD ngày 07-5-2008 là 105.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 111-08/0105-DN/HĐTD ngày 09-5-2008 là 124.000.000 đồng, thế chấp hai xe ô tô, cùng thời

hạn vay là 36 tháng, trả thành 06 kỳ, thời hạn trả cuối cùng là ngày 07-5-2011 và ngày 09-5-2011 nhưng do Công ty T1 không thanh toán cho Ngân hàng nên Công ty T đã trả thay, do đó có yêu cầu Công ty T1 phải trả lại số tiền trên kể cả lãi.

Tuy nhiên, căn cứ vào các lần trả cho Ngân hàng thì Công ty T đã tất toán hết số tiền vay cho Hợp đồng số 106-08/0105-DN/HĐTD vào ngày 18-01-2010 (trước hạn) và Hợp đồng số 111-08/0105-DN/HĐTD vào ngày 14-6-2010 (trước hạn) nhưng Công ty T không có văn bản hay sự tác động nào đến Công ty T1 để yêu cầu trả số nợ đã trả thay, mãi đến ngày 06-8-2015 Công ty T mới nộp đơn khởi kiện ra Tòa án là quá thời hạn hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 và đình chỉ giải quyết yêu cầu của đương sự là có căn cứ.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho rằng: Các quan hệ giao dịch hợp đồng đều là giữa Công ty T với Công ty T1, không có quan hệ gì đối với cá nhân chị Hồ Thị Thúy V nên không thể yêu cầu gì đối với cá nhân chị V. Các khoản tiền mà Công ty T yêu cầu thì Công ty T1 đã thanh toán xong, nếu Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì tại sao trong một thời gian dài Công ty T không có văn bản yêu cầu đòi chiếu nợ. Cho nên xác định số nợ trên đã trả xong và đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của Công ty TNHH T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Công ty T1, ông Hồ Dũng A cho rằng toàn bộ số tiền trong hai hợp đồng mua bán xe và

hai hợp đồng tín dụng thì Công ty T1 đã trả hàng tháng theo thỏa thuận với Công ty T và đã trả xong từ năm 2010, cho nên không thống nhất theo yêu cầu của Công ty T. Công ty T không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[8] Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 và chị Hồ Thị Thúy V liên đới trả các khoản tiền: mua bán xe, tiền Ngân hàng, tiền mua bảo hiểm xe, đóng thùng xe và tiền sửa xe tổng cộng là 1.030.387.604 đồng.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 về việc yêu cầu nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả tiền bán xe là 220.000.000 đồng.

Về án phí:

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T toàn bộ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 036354 ngày 12-11-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 toàn bộ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 13584 ngày 11-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 01034 ngày 27-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Phương